

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

-----***-----

Bản án số: 08/2020/HC-PT

Ngày: 13/01/2020.

*V/v: Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và
quyết định phê duyệt phương án bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 300/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1984, trú tại: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1959, có mặt;

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958; có mặt;

- Ông Đoàn Bá S, sinh năm 1947, có mặt;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Công B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, có mặt (Văn bản ủy quyền số 491/QĐ-UBND ngày 08/01/2020).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hoàng Văn T1 - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện H, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Ông Hoàng Văn C - Phó Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1985.
2. Ông Lê Xuân C1, sinh năm 1919;
3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950;
4. Chị Lê Thị T3, sinh năm 1981;
5. Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chị T2, bà L, chị T3 và chị Đ1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là anh Lê Xuân T trình bày:

Ngày 30/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1438/QĐ - UBND về việc thu hồi đất của gia đình anh để thực hiện dự án Khu công nghiệp H.

Gia đình anh bị thu hồi tổng diện tích là 1680,9m² đất tại thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang bao gồm các thửa đất: Thửa đất số 154, Tờ bản đồ số 93, diện tích 328,7m²; thửa đất số 173, Tờ bản đồ số 98, diện tích 171,1m²; thửa đất số 35, Tờ bản đồ số 99, diện tích 327,8m²; thửa đất số 100 Tờ bản đồ số 105 diện tích 199,9m²; thửa đất số 193, Tờ bản đồ số 105, diện tích 145,6m²; thửa đất số 242, Tờ bản đồ số 105 diện tích 88,4m²; thửa đất số 50, Tờ bản đồ số 108, diện tích 419,4m².

Ngày 30/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1439/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình anh nêu trên.

Gia đình anh không nhận được thông báo và quyết định thu hồi đất. Theo quy định của pháp luật thì mọi văn bản, giấy tờ liên quan đến chính sách thu hồi đất đều phải công khai cho người dân.

Anh khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1438/QĐ - UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (đợt 1 - giai đoạn 1) và Quyết định số 1439/QĐ - UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp H (đợt 1 - giai đoạn 1) với lý do: Phần đất của gia đình anh nằm trong dự án bị thu hồi thực hiện dự án là đất sản xuất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân huyện H ra quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường không hợp lý, hợp tình và quá thấp. Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường khi chưa giải quyết xong phương án bồi thường và không có sự chấp thuận của người dân là trái pháp luật. Phương án đền bù không thỏa đáng, không có chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp cho nhân dân ổn định cuộc sống. Mức bồi thường hỗ trợ 78.192.000 đồng/sào, trong đó bao gồm cả tiền đền bù hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là rất thấp. Đề nghị nâng mức bồi thường lên là 90.000 đồng/m², nâng mức hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất lên 20.000 đồng/m² (bồi thường hỗ trợ đền bù lên 200 triệu/sào) và được giao đất chuyển đổi mục đích để ổn định đời sống là 72m²/sào đất bị thu hồi.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện H do người đại diện trình bày:

Dự án Khu công nghiệp H là dự án do Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 (thực hiện các dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất, bao gồm dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu đô thị mới; dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Ngày 17/5/2016, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Văn bản số 793/TTg - KTN về việc chấp thuận đầu tư thực hiện dự án Khu công nghiệp H, tại xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Giấy chứng nhận đầu tư số 2343318888 ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp cho Công ty TNHH H thực hiện đầu tư.

Về chế độ, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng được áp dụng thực hiện theo Quyết định số 861/2014/QĐ - UBND ngày 30/12/2014; Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Quyết

định 178/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 về phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp H của Ủy ban nhân dân huyện H bao gồm:

- Bồi thường về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm = 50.000 đồng/m².
- Bồi thường hoa màu trên đất = 7.200 đồng/m².
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất = 10.000 đồng/m².
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm 03 lần giá đất = 150.000 đồng/m².

Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ = 217.200 đồng/m² và 78.192.000 đồng/sào (360m²).

Ngoài ra, đối với các hộ thu hồi đất trên 70% của 01 định xuất giao ruộng thì được hỗ trợ đào tạo nghề cho 01 lao động bằng tiền là 3.500.000 đồng.

Về đất dịch vụ: Theo quy định của pháp luật, Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trồng cây hàng năm để xây dựng Khu công nghiệp H, không quy định bồi thường, hỗ trợ đất dịch vụ, đất ở.... Do vậy, không có căn cứ để cơ quan chức năng thực hiện.

Trình tự, thủ tục thu hồi đất được thực hiện theo Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về ban hành quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được cụ thể như sau:

+ Hợp hội nghị thông báo thu hồi đất, các chế độ chính sách trong thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp H trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ngày 10/3/2017.

+ Thông báo cho hộ gia đình, cá nhân tự kê khai nhận ruộng, kiểm kê hiện trạng đất và hoa màu trên đất nhà nước thu hồi dự án từ ngày 14/3/2017 đến 29/4/2017.

+ Đánh giá số liệu kê kiểm, lập, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; kết thúc niêm yết, thẩm định hồ sơ, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ hợp tác kê khai, kê kiểm đất và hoa màu trên đất, bàn giao quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tổ chức chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình, cá nhân theo quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã quy định.

+ Kết thúc thời gian kê khai, kê kiểm... đối với các hộ không hợp tác kê khai, kê kiểm; Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành đến các hộ gia đình, cá nhân vận động, tuyên truyền thực hiện các nội dung kê khai, kê kiểm. Hết thời gian vận động, tuyên truyền 03 lần, các hộ gia đình, cá nhân vẫn không phối hợp kê khai, kê kiểm thì Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định kê kiểm bắt buộc đất và tài sản hoa màu trên đất.

+ Kết thúc thời gian thực hiện thông báo kiểm kê bắt buộc các hộ gia đình, cá nhân vẫn không chấp hành thì Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cưỡng chế kiểm kê bắt buộc theo quy định của pháp luật.

+ Đánh giá số liệu kiểm kê bắt buộc, cưỡng chế kê kiểm bắt buộc, lập, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, đối thoại, lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, kết thúc niêm yết, thẩm định hồ sơ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, ban giao quyết định thu hồi đất, kê kiểm mà phải kê khai, kê kiểm, cưỡng chế kê kiểm bắt buộc đất và hoa màu trên đất theo quy định. Tổ chức chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình, cá nhân theo quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã quy định.

+ Căn cứ thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Kết thúc thời gian chi trả tiền theo kế hoạch, các hộ gia đình, cá nhân không nhận tiền, không hợp tác thì thành lập tổ công tác đến các hộ gia đình, cá nhân vận động, tuyên truyền các hộ nhận tiền. Hết thời gian vận động, tuyên truyền nhận tiền các hộ không nhận tiền thì tiền bồi thường, hỗ trợ được chuyển vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước huyện Hiệp Hòa và thông báo cho gia đình, cá nhân có đất nhà nước thu hồi dự án biết, coi như việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ không nhận tiền đã thực hiện xong theo quy định của pháp luật.

Căn cứ kế hoạch thực hiện giải phóng mặt bằng dự án và quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với các hộ không chấp hành quyết định thu hồi đất, gửi quyết định đến hộ gia đình cá nhân có đất Nhà nước thu hồi, trong thời gian thực hiện quyết định cưỡng chế 30 ngày, Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập ban cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức đối thoại với các hộ đã có quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Kết thúc đối thoại, các hộ gia đình, cá nhân không chấp hành thu hồi đất phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Ngày 07/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng phương án, huy động lực lượng và tổ chức cưỡng chế theo đúng quy định đối với 04 trường hợp gồm: Lê Xuân T, Nguyễn Đăng N, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Đức N1.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp H là đúng quy định của pháp

luật. Các chế độ, chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng được áp dụng thực hiện theo Quyết định số 861/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 và Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Các yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện đều nhất trí với ý kiến trình bày của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/1019/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân T về việc đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 1438/QĐ - UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (đợt 1 - giai đoạn 1) liên quan đến phần diện tích đất của gia đình anh Lê Xuân T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân T đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 1439/QĐ - UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (đợt 1 - giai đoạn 1) liên quan tới phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình anh Lê Xuân T.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, người khởi kiện là anh Lê Xuân T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp H, huyện H, tỉnh Bắc Giang là dự án thương mại, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nên chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá bồi thường với người có đất bị thu hồi; gia đình anh T không có được nhận thông báo thu hồi đất, không tự kê khai kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi. Dự án này, Thủ tướng Chính phủ mới chỉ đồng ý về chủ trương đầu tư, chưa có quyết định đầu tư và có sự khác nhau về chủ đầu tư dự án là Công ty P và Công ty H trong các văn bản để đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, hủy quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (đợt 1 - giai đoạn 1) liên quan tới phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình anh Lê Xuân T; tăng mức bồi thường, hỗ trợ đền bù khi thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để ổn định đời sống.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H trình bày dự án Khu công nghiệp H đã được Thủ tướng Chính Phủ có quyết định chấp thuận đầu tư và thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Hộ gia đình anh T đã đồng ý nhận bồi thường 07 thửa đất, chỉ có 01 thửa đất anh T không đồng ý nhận tiền bồi thường. Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Ngoài ra, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H cũng xác định căn cứ giấy phép đầu tư thì Công ty TNHH H và Công ty cổ phần tập đoàn P là một với lý do Công ty TNHH H là công ty con của Công ty cổ phần tập đoàn P để khẳng định không có sự khác nhau về chủ đầu tư dự án như đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía người khởi kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ủy ban nhân dân xã M vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 30/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1438/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) và Quyết định số 1439/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1). Ngày 23/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhận đơn khởi kiện của anh Lê Xuân T yêu cầu hủy một phần 02 quyết định nêu trên liên quan đến phần diện tích đất thu hồi của gia đình anh T và nâng mức bồi thường, hỗ trợ đền bù là 200 triệu đồng/sào và đất chuyển đổi mục đích để ổn định đời sống là 72m²/sào đất bị thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định khởi kiện của anh Lê Xuân

T nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính là có căn cứ.

[1.3] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) và Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình anh T là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.5] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 11/6/2019, anh Lê Xuân T có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và có nộp tạm ứng án phí theo đúng quy định tại các Điều 205, 206 và 209 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (đợt 1- giai đoạn 1):

* Về thẩm quyền ban hành:

Ngày 17/5/2016, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Văn bản số 793/TTg-KTN về việc chấp thuận đầu tư đối với dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp C - M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL41), sau này đổi tên thành Khu công nghiệp H và đổi tên dự án nêu trên thành dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL42). Ngày 09/9/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1437/QĐ-UBND về việc thành lập Khu công nghiệp H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL52). Theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền thu hồi đất trong trường hợp trên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Tại Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện (trong đó có huyện H), thành phố quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013.

* Về trình tự, thủ tục, thời hạn và thời hiệu ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể là: Ngày 06/3/2017, ban hành Thông báo thu hồi đất số 74/TB-UBND (BL83), ngày 10/3/2017 đã bàn giao thông báo này cho gia đình anh T, gia đình anh T nhận nhưng không ký (BL239) và thực hiện thông báo trên phương tiện đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, khu đình làng thôn M (BL112,116); triển khai kiểm kê, lập phương án bồi thường đối với các gia đình có đất bị thu hồi...

* Về nội dung của quyết định: Để thực hiện dự án Khu công nghiệp H, huyện H, tỉnh Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính Phủ chấp thuận đầu tư và trên cơ sở văn bản ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Chủ đầu tư dự án là Công ty TNHH H (BL50). Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành quyết định thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân và đất nông nghiệp công ích của Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn huyện H nên việc thu hồi đất này thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 (BL315). Do đó, việc anh T cho rằng dự án trên không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà do chủ đầu tư phải trực tiếp thỏa thuận với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) thấy:

* Về thẩm quyền ban hành:

Ủy ban nhân dân huyện H là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất nên Ủy ban nhân dân huyện H là cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M trong đó có phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ đối với đất của gia đình anh Lê Xuân T bị thu hồi là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

* Về trình tự, thủ tục, thời hạn và thời hiệu ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, đã tiến hành kiểm kê đất, tài sản trên đất; lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; bàn giao trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi và thông báo trên phương tiện đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Đình làng và khu nghề thôn M.

* Về căn cứ ban hành quyết định: Căn cứ quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H; Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường cho gia đình anh T diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm bị thu hồi tại dự án Khu công nghiệp H với mức giá 50.000đ/m²; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 03 lần giá đất nông nghiệp với mức 150.000đ/m²; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất là 10.000đ/m² và hỗ trợ đào tạo nghề đối với trường hợp bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp của 01 định xuất giao ruộng với tổng số tiền 17.500.000đ (3.500.000đ/1 lao động) là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Quá trình triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H, Ủy ban nhân dân huyện H đã có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang về chế độ, chính sách về giá đất bồi thường, mức hỗ trợ khi thực hiện dự án theo kiến nghị của người dân có đất bị thu hồi. Tại Công văn số 1438/TNMT-KHTC ngày 10/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang trả lời Ủy ban nhân dân huyện H về cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp H đã xác định mức giá đất bồi thường đất nông nghiệp, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội thực tế ở địa phương và không có cơ sở áp dụng chế độ hỗ trợ đất ở và kinh doanh dịch vụ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H (BL64). Vì vậy, việc anh T đề nghị nâng mức bồi thường lên 200.000.000đ/sào và đền bù bằng đất chuyển đổi mục đích sử dụng với mức 72m² đất/01 sào đất bị thu hồi là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân T về việc hủy một phần Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án

Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) và Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình anh T là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của anh T là không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, anh T còn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông Huệ và ông Thái tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Hiệp H khi không xuất trình được giấy yêu cầu của người bị kiện là vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 61 Luật Tố tụng hành chính thấy: Ngày 19/4/2019, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa có Công văn số 762a/UBND-VP gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị chứng nhận ông Nguyễn Văn H1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H và ông Hoàng Văn T1 - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện H (BL328). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 và ông T1 đã tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện H; đại diện theo ủy quyền của anh T cũng có mặt tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến về vấn đề này và đề nghị Hội đồng xét xử là đúng quy định tại Điều 61 Luật tố tụng hành chính nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh T.

Về án phí: Do kháng cáo của anh Lê Xuân T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 62, Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 75; điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên

địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 861/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về ban hành bảng giá đất giai đoạn 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân T về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình anh Lê Xuân T.

- Bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân T về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp H tại thôn M, xã M (Đợt 1- giai đoạn 1) phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình anh Lê Xuân T.

Về án phí: Anh Lê Xuân T phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm và 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0000340 ngày 11/6 /2019 và số AA/2018/000104 ngày 16/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh